toµ ¸n nh©n d©n
KHU VỰC 7 - hµ néi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **1045**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2026
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thu Trang - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mai

2. Ông Nguyễn Văn Vĩ

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Vy Anh - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Hương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 582/2026/TLST-HNG ngày 14 tháng 5 năm 2026 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2026/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị Huyền T, sinh năm 1991 (Số CCCD: 001191046486)

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh Ngô Khắc Q, sinh năm 1984 (Số CCCD: 001084073244)

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố Hà Nội

Vắng mặt chị T, anh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 10 tháng 4 năm 2026 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Đào Thị Huyền T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Ngô Khắc Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội (nay là UBND xã T, thành phố Hà Nội) ngày 09/02/2014. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống Thiết Ứng, xã T, thành phố Hà Nội, ở chung với gia đình nhà chồng.

Quá trình chung sống giữa chúng tôi vẫn nảy sinh những mâu thuẫn. Nguyên nhân mẫu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, lối sống và cách ứng xử nên vợ chồng xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Việc chúng tôi mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không có kết quả. Tôi và anh Q đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2024 đến nay. Tôi xác định mâu thuẫn giữa chúng tôi ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết ly hôn cho tôi và anh Q để các bên sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là: Ngô Đào Hải A, sinh ngày 26/8/2015 và Ngô Gia H, sinh ngày 22/5/2020. Kể từ khi vợ chồng tôi sống ly thân, cháu Hải A ở với tôi, cháu Gia H ở với anh Q. Ly hôn tôi đề nghị Tòa án giao cháu A cho tôi tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, nợ: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Tôi tự nguyện chịu cả.

*** Đối với bị đơn là anh Ngô Khắc Q:** Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh Q nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc, cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với các yêu cầu của chị T. Vì vậy Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Q.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX quyết định: + Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Q.

+ Về con chung: Giao con chung là Ngô Đào Hải A, sinh ngày 26/8/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Ngô Gia H, sinh ngày 22/5/2020 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung, riêng, công sức, nợ: Không xem xét giải quyết

+ Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn là anh Ngô Khắc Q có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại thôn T, xã T, thành phố Hà Nội. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội đã tống đạt hợp lệ các quyết định cho anh Q nhưng anh Q vắng mặt lần 2 không có lý do, chị T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị T, anh Q.

[2] Về nội dung: Chị Đào Thị Huyền T và anh Ngô Khắc Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội (nay là UBND xã T, thành phố Hà Nội) ngày 19/8/2013. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chị T, anh Q chung sống hạnh phúc một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, từ tháng 12 năm 2024 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc gì nhau. Anh Q không đến Tòa án để bảo vệ cuộc hôn nhân của mình, không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T, anh Q có 02 con chung là Ngô Đào Hải A, sinh ngày 26/8/2015 và Ngô Gia H, sinh ngày 22/5/2020. Ly hôn, chị T đề nghị giao cháu A cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. HĐXX thấy: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ. Cháu Hải A có nguyện vọng muốn ở với mẹ, cháu là con gái, đang trong độ tuổi dậy thì nên rất cần sự chăm sóc, hướng dẫn của người mẹ. Kể từ khi anh Q, chị T sống ly thân, cháu Hải A ở với chị T, cháu H ở với anh Q, sức khỏe các cháu đều tốt. Do đó giao cháu Hải A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp và nguyện vọng của các con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, nợ: Chị T, anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 3, 8, 9, 51, 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị Huyền T, cho chị Đào Thị Huyền T được ly hôn anh Ngô Khắc Q.

2. Về con chung: Xác định chị Đào Thị Huyền T và anh Ngô Khắc Q có 02 con chung là Ngô Đào Hải A, sinh ngày 26/8/2015 và Ngô Gia H, sinh ngày 22/5/2020.

Giao con chung là Ngô Đào Hải A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Ngô Gia H anh Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

Chị T, anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Chị T, anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đào Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011619 ngày 14 tháng 5 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Đào Thị Huyền T, anh Ngô Khắc Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7- Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- UBND xã Thư Lâm, TP Hà Nội
- Lưu: Văn Phòng, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thu Trang